

Số: 35 /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 18 tháng 02 năm 2022

**BÁO CÁO**  
**Về tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch**  
**vốn đầu tư công năm 2021**

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 572/VPCP-KTTH ngày 21/01/2022 và Công văn số 848/BKHĐT-TH ngày 11/02/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc đánh giá bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2021 và báo cáo kết quả kiểm điểm, xử lý nghiêm các trường hợp giải ngân chậm do nguyên nhân chủ quan chưa nỗ lực cố gắng, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư cụ thể như sau:

**I. Về tình hình triển khai kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021**

**1. Tình hình phân bổ kế hoạch vốn**

Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 của tỉnh Quảng Ngãi được Trung ương giao đầu năm là 3.585,776 tỷ đồng<sup>1</sup>, HĐND tỉnh giao 3.777,776 tỷ đồng<sup>2</sup>, trong đó: Ngân sách địa phương là 2.780,630 tỷ đồng (*tăng so với Trung ương giao là 192 tỷ đồng từ nguồn thu tiền sử dụng đất*); ngân sách Trung ương là 997,146 tỷ đồng. Trong năm 2021, Tỉnh được Trung ương giao bổ sung từ nguồn vốn nước ngoài (ODA) là 57,713 tỷ đồng<sup>3</sup>. Như vậy, tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 được cấp có thẩm quyền giao, bổ sung cho tỉnh Quảng Ngãi là **3.835,489 đồng**, gồm:

- Ngân sách địa phương là **2.780,630 tỷ đồng**, trong đó:
  - + Vốn XDCCB tập trung là 1.485,330 tỷ đồng.
  - + Vốn Xổ số kiến thiết là 112 tỷ đồng.
  - + Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất là 1.142 tỷ đồng.
  - + Vốn bội chi NSĐP là 41,3 tỷ đồng
- Ngân sách trung ương là 1.054,859 tỷ đồng, trong đó:

<sup>1</sup> Tại Quyết định số 2185/QĐ-TTg ngày 21/12/2020 và số 1915/QĐ-TTg ngày 15/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>2</sup> Tại các Nghị quyết: số 47/NQ-HĐND ngày 11/12/2020; số 61/NQ-HĐND ngày 08/9/2021 và số 99/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh.

<sup>3</sup> Tại Quyết định số 1915/QĐ-TTg ngày 15/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Vốn trong nước là 840,820 tỷ đồng.

+ Vốn nước ngoài (ODA) là 214,039 tỷ đồng.

Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 của tỉnh được phân bổ cụ thể theo từng nguồn vốn như sau:

*ĐVT: Triệu đồng*

TT	Nguồn vốn	KHV 2021 Thủ tướng Chính phủ giao	KHV 2021 HĐND tỉnh giao/UBND tỉnh giao lại	Tính giao cao hơn so với TW giao	Ghi chú
	<b>Tổng cộng (A+B)</b>	<b>3.643.489</b>	<b>3.835.489</b>	<b>192.000</b>	
<b>A</b>	<b>Vốn giao đầu năm</b>	<b>3.585.776</b>	<b>3.777.776</b>	<b>192.000</b>	
<b>I</b>	<b>Ngân sách địa phương</b>	<b>2.588.630</b>	<b>2.780.630</b>	<b>192.000</b>	
1	Vốn XDCB tập trung của tỉnh	1.485.330	1.485.330	-	
2	Vốn Xổ số kiến thiết	112.000	112.000	-	
3	Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất	950.000	1.142.000	192.000	
4	Bội chi NSĐP	41.300	41.300	-	
<b>II</b>	<b>Vốn ngân sách trung ương</b>	<b>997.146</b>	<b>997.146</b>	<b>-</b>	
1	Vốn trong nước	840.820	840.820	-	
-	<i>Hoàn trả ứng trước NSTW</i>	<i>263.910</i>	<i>263.910</i>	-	
-	<i>Bổ trí cho các dự án liên vùng</i>	<i>155.000</i>	<i>155.000</i>	-	
-	<i>Phân bổ cho các ngành, lĩnh vực</i>	<i>421.910</i>	<i>421.910</i>	-	
2	Vốn nước ngoài (ODA)	156.326	156.326	-	
<b>B</b>	<b>Vốn giao bổ sung trong năm</b>	<b>57.713</b>	<b>57.713</b>	<b>-</b>	
	Vốn nước ngoài (ODA)	57.713	57.713	-	

## 2. Kết quả giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021

a) Về kết quả giải ngân theo kế hoạch vốn năm 2021 được giao: Đến hết ngày 31/01/2022, giải ngân đạt 3.283,742 tỷ đồng, bằng 85,6% kế hoạch vốn HĐND tỉnh giao và bằng 90,1% kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ giao.

b) Về kết quả giải ngân theo kế hoạch vốn năm 2021 được nhập TABMIS: Do chịu ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, các nguồn thu từ xổ số kiến thiết và thu tiền sử dụng đất của tỉnh trong năm 2021 bị hụt thu so với dự toán trung ương giao là 119,13 tỷ đồng. Như vậy, số vốn thực tế đã nhập TABMIS bằng 96,6% so với kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao. Theo đó, tỷ lệ giải ngân kế hoạch vốn năm 2021 của tỉnh đạt 93,3% so với kế hoạch vốn đã nhập TABMIS.

c) Số vốn còn lại chưa giải ngân: Tổng kế hoạch vốn năm 2021 đã nhập TABMIS còn lại chưa được giải ngân là 234,706 tỷ đồng, trong đó:

- Nguồn vốn ngân sách địa phương giải ngân là 2.256,146 tỷ đồng, đạt 91,4% kế hoạch, số vốn còn lại chưa giải ngân là 213,354 tỷ đồng, cụ thể:

+ Vốn xây dựng cơ bản tập trung giải ngân đạt 98,2% kế hoạch, còn lại chưa giải ngân là 26,095 tỷ đồng;

+ Nguồn thu XSKT giải ngân đạt 95,4%, còn lại chưa giải ngân là 3,573 tỷ đồng;

+ Nguồn thu tiền sử dụng đất giải ngân đạt 79,4%, còn lại chưa giải ngân là 178,279 tỷ đồng (*trong đó, phần vốn giao huyện thành phố thu-chi chưa giải ngân là 162,129 tỷ đồng*).

+ Nguồn vốn bội chi ngân sách địa phương giải ngân đạt 86,9%, còn lại chưa giải ngân là 5,407 tỷ đồng.

- Nguồn vốn ngân sách trung ương giải ngân là 1.027,596 tỷ đồng, đạt 98% kế hoạch, số vốn còn lại chưa giải ngân là 21,352 tỷ đồng, trong đó:

+ Vốn trong nước giải ngân đạt 99,6% kế hoạch, số vốn còn lại chưa giải ngân là 3,407 tỷ đồng.

+ Vốn nước ngoài (ODA) giải ngân đạt 88,9% kế hoạch, số vốn còn lại chưa giải ngân là 17,944 tỷ đồng<sup>4</sup>.

*(Kèm theo Phụ lục chi tiết dự án của từng chủ đầu tư chưa giải ngân và nguyên nhân giải ngân không đạt).*

## **II. Đánh giá chung việc triển khai thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 của tỉnh**

UBND tỉnh xác định công tác đầu tư và giải ngân vốn đầu tư công là một trong những nhiệm vụ chính trị quan trọng của năm 2021, nên ngay từ đầu năm, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 09/01/2021 về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021; Kế hoạch số 98/KH-UBND ngày 06/7/2021 về tiến độ giải ngân vốn đầu tư công năm 2021, theo đó đã giao nhiệm vụ cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị, chủ đầu tư và giao tiến độ giải ngân vốn cho từng công trình, dự án. Đồng thời, UBND tỉnh thường xuyên tổ chức trực báo hàng tháng, ban hành nhiều văn bản<sup>5</sup> chỉ đạo; thành lập tổ công tác kiểm tra, đôn đốc giải ngân; tổ chức các đoàn kiểm tra thực tế hiện trường công trình; giao các cơ quan chuyên môn theo dõi, xử lý các vướng mắc theo thẩm quyền, cũng như tổng hợp, báo cáo về tiến độ thực hiện dự án và các khó khăn, vướng mắc để UBND tỉnh kịp thời xử lý, tháo gỡ.

<sup>4</sup> Kế hoạch vốn ODA chưa nhập đủ Tabmis là 5,911 tỷ đồng do thủ tục nhận nợ chưa đủ theo kế hoạch vốn được giao.

<sup>5</sup> Công văn số: 645/UBND-TH ngày 09/02/2021; 1012/UBND-KT ngày 12/3/2021; 2119/UBND-TH ngày 17/5/2021; 2449/UBND-TH ngày 31/5/2021; 3584/UBND-KT ngày 27/7/2021; 4181/UBND-TH ngày 20/8/2021;

Trong quá trình điều hành kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021, UBND tỉnh đã chỉ đạo quyết liệt trong công tác triển khai thực hiện dự án và giải ngân kế hoạch vốn, kịp thời tháo gỡ các khó khăn, xử lý các vướng mắc, điều chỉnh và trình HĐND điều chỉnh kế hoạch vốn linh hoạt giữa các dự án (giảm vốn của các dự án chậm tiến độ hoặc đủ vốn hoàn thành để bổ sung cho các dự án có tiến độ thực hiện nhanh). Nhờ đó, tiến độ thực hiện và giải ngân của hầu hết các dự án đều theo đúng kế hoạch.

Tuy nhiên, trong bối cảnh ảnh hưởng chung của đại dịch Covid-19, tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn năm 2021 cũng rất gặp nhiều khó khăn, nhất là trong thời gian thực hiện giãn cách xã hội. Bên cạnh các nguyên nhân khách quan làm ảnh hưởng đến việc giải ngân vốn đầu tư công như: Dịch bệnh Covid-19, việc thiếu hụt nhân công, nguyên vật liệu, thiết bị (do giãn cách xã hội) và việc tăng giá nguyên, vật liệu thì còn các nguyên nhân chủ quan, cụ thể như sau:

- Vướng mắc về quy hoạch: Việc triển khai thủ tục đầu tư của các dự án phải đảm bảo theo đúng quy hoạch được duyệt, tuy nhiên trong năm 2021 có một số quy hoạch đã hết hiệu lực, như: Quy hoạch phát triển Giao thông vận tải; Quy hoạch sử dụng đất... Trong khi đó, quá trình trình cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh, ban hành quy hoạch mới mất nhiều thời gian nên đã ảnh hưởng lớn đến việc hoàn thiện thủ tục đầu tư các dự án đầu tư công.

- Vướng mắc về bồi thường, giải phóng mặt bằng: Các cơ quan có liên quan chậm tham mưu UBND tỉnh ban hành đơn giá về đất đai, cây trồng và tài sản gắn liền với đất... đã dẫn đến khó khăn trong việc đo đạc, kiểm đếm và áp dụng mức đền bù. Thủ tục thực hiện công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của các dự án thường kéo dài rất lâu do quy trình, thủ tục bồi thường, hỗ trợ phức tạp nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các dự án và phát sinh chi phí.

- Một số chủ đầu tư còn thiếu chủ động trong quản lý tiến độ dự án, thủ tục đầu tư, theo dõi tiến độ giải ngân. Công tác phối hợp giữa chủ đầu tư và nhà thầu, giữa các cơ quan chuyên môn và chủ đầu tư còn chưa chặt chẽ.

Ngoài ra, do nguồn thu tiền sử dụng đất còn hạn chế nên ảnh hưởng rất lớn đến công tác triển khai thực hiện các dự án được giao vốn này, đặc biệt là bị động trong phân bổ vốn cho khối lượng thực hiện các công việc như bồi thường, xây lắp theo tiến độ các dự án.

Nhìn chung, với sự nỗ lực rất lớn của các cấp, các ngành trong điều kiện vừa phòng chống dịch vừa tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh, tình hình giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 của tỉnh Quảng Ngãi đạt kết quả tích cực với tỷ lệ giải ngân đạt 90,1% kế hoạch vốn Thủ tướng chính phủ giao và đạt 93,3% so với số vốn đã nhập TABMIS, đảm bảo đạt theo yêu cầu của Chính phủ tại Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 29/6/2021 về các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giải ngân vốn đầu tư công và xuất khẩu bền vững những tháng cuối năm

2021 và đầu năm 2022.

Hiện nay, Tỉnh đang rà soát, xác định và đánh giá nguyên nhân chủ quan, khách quan của từng dự án chưa giải ngân hết kế hoạch vốn được giao. Theo đó, đối với các dự án không giải ngân hết do nguyên nhân chủ quan của đơn vị chủ đầu tư, UBND tỉnh sẽ kiểm điểm trách nhiệm cá nhân, tập thể liên quan; đồng thời xem xét, trình cấp có thẩm quyền quyết định cắt giảm kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh tương ứng với số vốn không giải ngân hết, không được kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân và bị hủy dự toán theo quy định tại Khoản 4 Điều 44 Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ. Đối với các dự án không giải ngân được do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng, UBND tỉnh sẽ có văn bản trình cấp thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2022.

Kính báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi;
- VPUB: CVP, PCVP, các P.N/cứu;
- Lưu: VT, P.KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Đặng Văn Minh**

**Phụ lục 4**  
**TỈNH HÌNH GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021**

**Tổng hợp theo từng nguồn vốn**

(Kèm theo Báo cáo số 35.../BC-UBND ngày 18/02/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: Triệu

TT	Tên mục	Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 2185/QĐ-TTg ngày	HĐND tỉnh giao, điều chỉnh	KHV 2021 theo khả năng thu từ nguồn XSKT và SDD thực tế đến 31/12/2021	Tổng số	Tỷ lệ (%)			Theo tổng KHV đã được HĐND tỉnh giao	Theo số vốn đã nhập Tabmis
						Số với KHV TW giao	Số với KHV HĐND tỉnh giao	Số với KHV nhập Tabmis		
<b>TỔNG SỐ</b>		3.643.489	3.835.489	3.518.448	3.283.742	90,1	85,6	93,3	551.747	234.706
<b>A1</b>	<b>Ngân sách địa phương</b>	<b>2.588.630</b>	<b>2.780.630</b>	<b>2.469.500</b>	<b>2.256.146</b>	<b>87,2</b>	<b>81,1</b>	<b>91,4</b>	<b>524.484</b>	<b>213.354</b>
<b>I</b>	<b>Vốn XDCB tập trung của tỉnh</b>	<b>1.485.330</b>	<b>1.485.330</b>	<b>1.485.330</b>	<b>1.459.235</b>	<b>98,2</b>	<b>98,2</b>	<b>98,2</b>	<b>26.095</b>	<b>26.095</b>
1	Phân cấp các địa phương	297.000	297.000	297.000	285.589	96,2	96,2	96,2	11.411	11.411
2	Hoàn trả ứng trước và trả nợ ngân sách	159.450	159.450	159.450	159.212	99,9	99,9	99,9	238	238
3	Đối ứng ODA	26.732	26.732	26.732	24.851	93,0	93,0	93,0	1.881	1.881
4	Vốn đối ứng của tỉnh thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia	140.000	140.000	140.000	136.444	97,5	97,5	97,5	3.556	3.556
5	Trả nợ quyết toán	24.553	24.553	24.553	24.522	99,9	99,9	99,9	31	31
6	Chuẩn bị đầu tư	5.050	5.050	5.050	4.212	83,4	83,4	83,4	838	838
7	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025	380.265	380.265	380.265	373.245	98,2	98,2	98,2	7.020	7.020
8	Thực hiện nhiệm vụ quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi	15.000	15.000	15.000	14.361	95,7	95,7	95,7	639	639
9	Dự án khởi công mới	437.280	437.280	437.280	436.799	99,9	99,9	99,9	481	481
<b>II</b>	<b>Vốn Xổ số kiến thiết</b>	<b>112.000</b>	<b>112.000</b>	<b>78.100</b>	<b>74.527</b>	<b>66,5</b>	<b>66,5</b>	<b>95,4</b>	<b>37.473</b>	<b>3.573</b>
1	Đối ứng thực hiện Chương trình MTQG Xây dựng Nông thôn mới	72.000	72.000	38.100	34.527	48,0	48,0	90,6	37.473	3.573
2	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025	40.000	40.000	40.000	40.000	100,0	100,0	100,0	0	0
<b>III</b>	<b>Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất</b>	<b>950.000</b>	<b>1.142.000</b>	<b>864.770</b>	<b>686.491</b>	<b>72,3</b>	<b>60,1</b>	<b>79,4</b>	<b>455.509</b>	<b>178.279</b>
1	Bổ trí thực hiện dự án khai thác quỹ đất tỉnh	400.600	400.600	273.234	257.084	64,2	64,2	94,1	143.516	16.150
2	Giao huyện, thành phố Thu - Chi	741.400	741.400	591.536	429.407	57,9	57,9	72,6	311.993	162.129

TT	Danh mục	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021			Giải ngân đến ngày 31/01/2022				Số vốn còn lại chưa giải ngân	
		Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 2185/QĐ-TTg ngày	HDND tính giao, điều chỉnh	KHV 2021 theo khả năng thu từ nguồn XSKT và SDD thực tế đến 31/12/2021	Tổng số	Tỷ lệ (%)			Theo tổng KHV đã được HDND tính giao	Theo số vốn đã nhập Tabmis
					So với KHV TW giao	So với KHV HDND tính giao	So với KHV nhập Tabmis			
IV	Đầu tư từ nguồn bộ chỉ NSDP	41.300	41.300	41.300	86,9	86,9	86,9	5.407	5.407	
A2	Vốn ngân sách Trung ương	1.054.859	1.054.859	1.048.948	97,4	97,4	98,0	27.263	21.352	
I	Vốn trong nước	840.820	840.820	840.820	99,6	99,6	99,6	3.407	3.407	
1	Hoàn trả ứng trước NSTW	313.910	313.910	313.910	100,0	100,0	100,0	51	51	
2	Bổ trí cho các dự án liên vùng	265.000	265.000	265.000	98,7	98,7	98,7	3.356	3.356	
3	Phân bổ chi tiết cho các dự án ngành, lĩnh vực	261.910	261.910	261.910	100,0	100,0	100,0	0	0	
II	Vốn nước ngoài (ODA)	214.039	214.039	208.128	88,9	88,9	91,4	23.855	17.944	

**DANH MỤC DỰ ÁN/KHÔNG GIẢI NGÂN HẾT KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021**  
Phụ lục 2

Chi tiết từng dự án theo Chủ đầu tư

Kèm theo Công văn số 35./BC-UBND ngày 18/02/2022 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn, dự án	Tổng số	Trong đó: Đã nhập TABMIS	Số vốn	Tỷ lệ (%)		Số vốn còn lại chưa giải ngân	Theo số vốn đã nhập Tabmis	Nguyên nhân giải ngân không đạt
					So với KH vốn	So với số vốn đã nhập tabmis			
	<b>Tổng cộng</b>	<b>3.835.489</b>	<b>3.518.448</b>	<b>3.283.742</b>	<b>85,6</b>	<b>93,3</b>	<b>551.747</b>	<b>234.706</b>	
	<i>Trong đó, các dự án chưa giải ngân hết KHV 2021 gồm:</i>								
A	Sở ban ngành của tỉnh	1.339.013	1.255.853	1.215.112	90,7	96,8	123.901	40.741	
I	BQLDA DTXD các công trình Giao thông tỉnh	949.672	866.512	842.415	88,7	97,2	107.257	24.097	
a	Vốn ngân sách địa phương	474.257	397.008	382.176	80,6	96,3	92.081	14.832	
1	Đường tránh lũ, cứu hộ, cứu nạn các huyện vùng Tây Quảng Ngãi (Ba Tơ - Minh Long - Sơn Hà), đoạn Km0 - Km22+336	58.500	54.307	40.658	69,5	74,9	17.842	13.649	Ngày 14/01/2022 mới được nhập thêm Tabmis cho dự án là 15.307 tỷ đồng nên không đảm bảo khối lượng hoàn thành để thanh toán.
2	Tuyến đường nối từ đường ĐT.623B vào khu vực dự án Khu sinh thái, nghỉ dưỡng tắm bùn Suối nước nóng Nghĩa Thuận.	1.750	1.750	1.730	98,9	98,9	20	20	Hết nhu cầu sử dụng.
3	Nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT.623B (Quảng Ngãi - Thạch Nham), giai đoạn 2	29.000	22.000	22.000	75,9	100,0	7.000	0	Giải ngân 100% KHV được nhập Tabmis
4	Đập dâng hạ lưu sông Trà Khúc	132.500	132.400	132.400	99,9	100,0	100	0	Giải ngân 100% KHV được nhập Tabmis
5	Cầu Sông Rìn	34.000	15.500	15.500	45,6	100,0	18.500	0	Giải ngân 100% KHV được nhập Tabmis
6	Kênh tiêu, thoát nước Từ Ty (đoạn qua Phường Quảng Phú)	25.000	17.400	17.400	69,6	100,0	7.600	0	Giải ngân 100% KHV được nhập Tabmis
7	Dê kê Hòa Hà	3.000	3.000	2.911	97,0	97,0	89	89	Còn 01 hộ dân chưa nhận tiền bồi thường, yêu cầu bố trí thêm đất tại định cư, chưa bàn giao mặt bằng để triển khai thi công.



TT	Nguồn vốn, dự án	Kế hoạch vốn năm 2021		Giải ngân đến 31/01/2022			Số vốn còn lại chưa giải ngân		Nguyên nhân giải ngân không đạt
		Tổng số	Trong đó: Đã nhập TABMIS	Số vốn	Tỷ lệ (%)		Theo tổng KHV đã được HDND tỉnh giao	Theo số vốn đã nhập Tabmis	
					So với KH vốn	So với vốn đã nhập tabmis			
8	Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung – tỉnh Quảng Ngãi	2.000	2.000	926	46,3	46,3	1.074	1.074	(Vốn đối ứng dự án ODA) Do chưa có chủ trương cho quyết toán chi phí liên quan đến các công trình, dự án thành phần bị loại bỏ
9	Đường nối từ cầu Thạch Bích đến Tỉnh Phong	20.363	14.507	14.507	71,2	100,0	5.856	0	Giải ngân 100% KHV được nhập Tabmis
b.	Vốn ngân sách trung ương	475.415	469.504	460.240	96,8	98,0	15.175	9.264	
b.1	Vốn trong nước	342.000	342.000	338.644	99,0	99,0	3.356	3.356	
*	Chuồn bị đầu tư	5.000	5.000	1.644	32,9	32,9	3.356	3.356	
10	Đường ven biển Dung Quất-Sa Huỳnh gd IIb	5.000	5.000	1.644	32,9	32,9	3.356	3.356	Dự án được giao vốn vào cuối tháng 9/2021. Trong qua trình lựa chọn nhà thầu khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án thì hồ sơ dự thầu của nhà thầu không đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu nên phải tổ chức đấu thầu lại. Do đó không đủ thời gian thực hiện các thủ tục liên quan để trình phê duyệt dự án.
b.2	Vốn nước ngoài (ODA)	133.415	127.504	121.596	91,1	95,4	11.819	5.908	
*	Dự án chuyển tiếp	133.415	127.504	121.596	91,1	95,4	11.819	5.908	KHV ODA chưa nhập đủ tabmis là 5.911 tỷ đồng do thủ tục nhận nợ chưa đủ kế hoạch vốn được giao. Theo hiệp định vay thì vốn ODA được thanh toán đến ngày 30/4/2022. Chủ đầu tư báo cáo sẽ tiếp tục giải ngân 1.147,688 triệu đồng, còn lại 3.670,312 triệu đồng hết nhu cầu sử dụng
11	Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung – tỉnh Quảng Ngãi	133.415	127.504	121.596	91,1	95,4	11.819	5.908	
II	BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh	96.230	96.230	95.630	99,4	99,4	599	599	
	Vốn ngân sách địa phương	83.230	83.230	82.630	99,3	99,3	599	599	

TT	Nguồn vốn, dự án	Kế hoạch vốn năm 2021		Giải ngân đến 31/01/2022		Số vốn còn lại chưa giải ngân		Nguyên nhân giải ngân không đạt
		Tổng số	Trong đó: Đã nhập TABMIS	Số vốn	Tỷ lệ (%) So với KHV vốn So với số vốn đã nhập tabmis	Theo tổng KHV đã được HDND tỉnh giao	Theo số vốn đã nhập Tabmis	
1	Tôn tạo, nâng cấp mộ cụ Huỳnh Thúc Kháng	1.500	1.500	989	65,9	511	511	CĐT đã lập thủ tục trình điều chỉnh quy hoạch khuôn viên khu mộ, đã lấy ý kiến các Sở Ban ngành, UBND thành phố nhưng chưa kịp thời phê duyệt điều chỉnh quy hoạch để trình điều chỉnh dự án.
2	Nhà A3 tỉnh ủy	25.100	25.100	25.062	99,8	38	38	Hết nhiệm vụ chi chuẩn bị đầu tư
3	Nâng cao năng lực Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Quảng Ngãi:	50	50		-	50	50	Hiện UBND tỉnh đã trình HDND phê duyệt chủ trương đầu tư nhưng chưa được HDND tỉnh thông qua.
III	BỘL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	24.066	24.066	21.514	89,4	2.552	2.552	
1	Ngân sách địa phương	24.066	24.066	21.514	89,4	2.552	2.552	
1	Kè chắn cát cảng Dung Quất (giai đoạn 2)	5.000	5.000	2.698	54,0	2.302	2.302	Dự án đã triển khai thi công hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, đang thực hiện các thủ tục để trình phê duyệt quyết toán dự án, qua cân đối thực hiện còn dư vốn
2	Sửa chữa cầu Trà Bồng	9.000	9.000	8.751	97,2	249	249	Dự án đã triển khai thi công hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng và đang kiểm toán độc lập trước khi trình phê duyệt quyết toán dự án (số vốn còn lại là 249 triệu đồng không còn nhu cầu sử dụng do cắt giảm một số phần việc, hạng mục, chi phí không cần thiết).
IV	Sở Nông nghiệp và PTNT	63.780	63.780	61.207	96,0	2.573	2.573	
a	Vốn ngân sách địa phương	13.780	13.780	13.580	98,5	200	200	
1	Dự án hiện đại hoá thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu - thành phần tỉnh Quảng Ngãi	200	200		-	200	200	Vốn đối ứng dự án ODA. TTCP chưa phê duyệt Chủ trương đầu tư
b.	Vốn ngân sách trung ương	50.000	50.000	47.627	95,3	2.373	2.373	

TT	Nguồn vốn, dự án	Kế hoạch vốn năm 2021		Giải ngân đến 31/01/2022			Số vốn còn lại chưa giải ngân		Nguyên nhân giải ngân không đạt
		Tổng số	Trong đó: Đã nhập TABMIS	Số vốn	Tỷ lệ (%)		Theo tổng KHV đã được HĐND tỉnh giao	Theo số vốn đã nhập Tabmis	
					Số vốn KH	Số vốn đã nhập tabmis			
2	Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) Quảng Ngãi	50.000	50.000	47.627	95,3	95,3	2.373	2.373	CĐT báo cáo do ảnh hưởng của dịch Covid 19 kéo dài và trong các tháng cuối năm thời tiết mưa nhiều ảnh hưởng đến tiến độ thi công nên không giải ngân hết.
<b>VI</b>	<b>Sở Giáo dục &amp; Đào tạo</b>	<b>4.422</b>	<b>4.422</b>	<b>3.333</b>	<b>75,4</b>	<b>75,4</b>	<b>1.089</b>	<b>1.089</b>	
a	Vốn ngân sách địa phương	732	732	669	91,4	91,4	63	63	
1	Giáo dục trung học cơ sở khu vực khó khăn nhất (giai đoạn 2)	732	732	669	91,4	91,4	63	63	Đổi ứng dự án ODA. Hết nhiệm vụ chi
b	Vốn ngân sách trung ương	3.690	3.690	2.664	72,2	72,2	1.026	1.026	
	Vốn nước ngoài (ODA)	3.690	3.690	2.664	72,2	72,2	1.026	1.026	
2	Giáo dục trung học cơ sở khu vực khó khăn nhất (giai đoạn 2)	3.690	3.690	2.664	72,2	72,2	1.026	1.026	Do tiết kiệm qua đấu thầu, thương thảo hợp đồng. Dự án đã kết thúc, hết nhiệm vụ chi.
<b>VIII</b>	<b>Sở Tài nguyên Môi trường</b>	<b>57.365</b>	<b>57.365</b>	<b>48.184</b>	<b>84,0</b>	<b>84,0</b>	<b>9.181</b>	<b>9.181</b>	
a	Ngân sách địa phương	41.000	41.000	40.456	98,7	98,7	544	544	
1	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thực hiện tại tỉnh Quảng Ngãi	4.000	4.000	3.456	86,4	86,4	544	544	Đổi ứng dự án ODA
2	Khu dân cư Đồng Rừng	50	50	0	0,0	0,0	50	50	Chưa thể thực hiện các thủ tục liên quan đến dự án đầu tư
3	Khu đô thị Bến Đình	50	50	0	0,0	0,0	50	50	Chưa thể thực hiện các thủ tục liên quan đến dự án đầu tư
b	Ngân sách trung ương	16.365	16.365	7.728	47,2	47,2	8.637	8.637	
	Vốn nước ngoài (ODA)	16.365	16.365	7.728	47,2	47,2	8.637	8.637	

TT	Nguồn vốn, dự án	Kế hoạch vốn năm 2021		Giải ngân đến 31/01/2022		Số vốn còn lại chưa giải ngân		Nguyên nhân giải ngân không đạt	
		Tổng số	Trong đó: Đã nhập TABMIS	Số vốn	Tỷ lệ (%) So với KH vốn	So với số vốn đã nhập tabmis	Theo tổng KIHV đã được HDND tỉnh giao		Theo số vốn đã nhập Tabmis
4	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thực hiện tại tỉnh Quảng Ngãi	16.365	16.365	7.728	47,2	8.637	47,2	8.637	Năm 2021 mới chính thức ký được các hợp đồng thực hiện xây dựng CSDL đất đai và thực hiện rút vốn giải ngân nguồn IDA nên dẫn đến khối lượng hoàn thành không đúng như tiến độ đề ra. Đồng thời, việc triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai không thể thực hiện do liên quan nhiều địa bàn thi công và nhà thầu phải giãn cách xã hội, làm ảnh hưởng lớn đến tiến độ thực hiện dự án.
IX	Sở Thông tin và Truyền thông	100	100	50	50,0	50	50,0	50	
	Ngân sách địa phương	100	100	50	50,0	50	50,0	50	
1	Xây dựng Hệ thống Đài truyền thanh cơ sở Ứng dụng Công nghệ thông tin - Viễn thông	50	50		-	50	-	50	CĐT báo cáo do chưa được giao vốn năm 2022 nên đơn vị chưa có cơ sở thực hiện thuê đơn vị tư vấn thực hiện việc lập dự án cho giai đoạn chuẩn bị đầu tư
X	Sở Khoa học và Công nghệ	150	150	-	-	150	-	150	
	Vốn ngân sách địa phương	150	150	-	-	150	-	150	
*	Chuẩn bị đầu tư	150	150	-	-	150	-	150	
1	Văn phòng hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi	50	50	-	-	50	-	50	CĐT đề nghị dừng thực hiện
2	Đầu tư nâng cao năng lực hoạt động Trại Nghiên cứu thực nghiệm và Chuyển giao công nghệ	50	50	-	-	50	-	50	CĐT đề nghị dừng thực hiện
3	Nâng cao năng lực thông tin và thống kê KH&CN	50	50	-	-	50	-	50	CĐT báo dự án chưa được phê duyệt nên không giải ngân được
XI	Công an tỉnh	28.537	28.537	28.487	99,8	50	99,8	50	
	Vốn ngân sách địa phương	28.537	28.537	28.487	99,8	50	99,8	50	
1	Đổi ứng đề xây dựng trụ sở làm việc Công an tỉnh	50	50	0	0,0	50	0,0	50	Dự án được đổi tên thành Trung tâm chỉ huy công an tỉnh
XII	BCII Quân sự tỉnh	88.510	88.510	88.310	99,8	200	99,8	200	

TT	Nguồn vốn, dự án	Kế hoạch vốn năm 2021		Giải ngân đến 31/01/2022			Số vốn còn lại chưa giải ngân		Nguyên nhân giải ngân không đạt
		Tổng số	Trong đó: Đã nhập TABMIS	Số vốn	Tỷ lệ (%)		Theo tổng KHV đã được HDND tính giao	Theo số vốn đã nhập Tabmis	
					So với KH vốn	So với vốn đã nhập tabmis			
	Vốn ngân sách địa phương	50.600	50.600	50.400	99,6	99,6	200	200	
1	Hải đội Dân quân thường trực tham gia bảo vệ chủ quyền biên, đảo trong tình hình mới (giai đoạn 2)	50	50	0	0,0	0,0	50	50	CĐT báo không giải ngân được do chưa có quyết định phê duyệt dự án
2	Đường vào đường hầm Đức Phú	50	50	0	0,0	0,0	50	50	CĐT báo không giải ngân được do chưa có quyết định phê duyệt dự án
3	Đường vào đường hầm Nghĩa Sơn	50	50	0	0,0	0,0	50	50	CĐT báo không giải ngân được do chưa có quyết định phê duyệt dự án
4	Đường hầm sở chỉ huy cơ bản thị xã Đức Phổ	50	50	0	0,0	0,0	50	50	CĐT báo không giải ngân được do chưa có quyết định phê duyệt dự án
XIII	Đài Phát thanh và Truyền hình	5.123	5.123	4.923,4	96,1	96,1	200	200	
	Vốn ngân sách địa phương	5.123	5.123	4.923	96,1	96,1	200	200	
1	Dự án Đầu tư hệ thống trang thiết bị cho sản xuất và truyền dẫn phát sóng các chương trình phát thanh, phát thanh có hình và trang bị máy phát điện dự phòng 500 KVA	100	100		-	-	100	100	Đơn vị tư vấn chưa hoàn thành báo cáo nghiên cứu khả thi
2	Nâng cấp giao diện trang thông tin điện tử và các ứng dụng phục vụ quản lý nội dung	100	100		-	-	100	100	Đơn vị tư vấn chưa hoàn thành báo cáo nghiên cứu khả thi
B	UBND các huyện, thị xã, thành phố	1.115.530	1.041.513	1.016.425	91,1	97,6	99.105	25.088	
I	UBND huyện Bình Sơn	160.934	142.334	140.610	87,4	98,8	20.323	1.723	
	Vốn ngân sách địa phương	160.934	142.334	140.610	87,4	98,8	20.323	1.723	
1	Vốn XSKT thực hiện Chương trình MTQG Xây dựng Nông thôn mới	43.200	24.600	24.597	56,9	100,0	18.603	3	Hết nhiệm vụ chi
2	Vốn XDCB tập trung thực hiện Chương trình MTQG Xây dựng Nông thôn mới	36.126	36.126	35.423	98,1	98,1	703	703	
3	Vốn Phân cấp theo Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND	29.568	29.568	28.551	96,6	96,6	1.017	1.017	
II	UBND huyện Sơn Tịnh	104.830	99.830	95.989	91,6	96,2	8.841	3.841	
	Vốn ngân sách địa phương	104.830	99.830	95.989	91,6	96,2	8.841	3.841	

TT	Nguồn vốn, dự án	Kế hoạch vốn năm 2021		Giải ngân đến 31/01/2022		Số vốn còn lại chưa giải ngân		Nguyên nhân giải ngân không đạt	
		Tổng số	Trong đó: Đã nhập TABMIS	Số vốn	Tỷ lệ (%) So với KH vốn	So với số vốn đã nhập tabmis	Theo tổng KHV đã được HDND tính giao		Theo số vốn đã nhập Tabmis
1	Tuyển N9 trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh mới	5.000			-		5.000	0	KHV không có nguồn nhập Tabmis
2	Khu tái định cư Vũng Thào, thôn Thọ Trung, xã Tịnh Thọ (giai đoạn 1)	20.000	20.000	16.239	81,2	81,2	3.761	3.761	Thời gian thực hiện dự án đến năm 2022, đối với phần xây lắp đã hoàn thiện. Hiện nay đang làm thủ tục bố trí tái định cư (đã vận động nhân dân giao đất trước để thực hiện dự án và nhân đất tái định cư sau); chuyển mục đích sử dụng đất và chưa quyết toán dự án hoàn thành.
3	Vốn Phân cấp theo Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND	19.010	19.010	18.930	99,6	99,6	80	80	Hết nhiệm vụ chi
III	UBND thành phố Quảng Ngãi	79.034	79.034	70.078	88,7	88,7	8.956	8.956	
1	Vốn ngân sách địa phương	79.034	79.034	70.078	88,7	88,7	8.956	8.956	
1	Xây dựng Trường Mầm non Nghĩa Đông	51	51	20	39,1	39,1	31	31	Hết nhiệm vụ chi
2	Vốn Phân cấp theo Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND	58.411	58.411	49.486	84,7	84,7	8.925	8.925	Bố trí cho các dự án thực hiện chuẩn bị đầu tư nhưng không giải ngân được
IV	UBND huyện Tư Nghĩa	87.685	87.685	87.314	99,6	99,6	371	371	
1	Vốn ngân sách địa phương	87.685	87.685	87.314	99,6	99,6	371	371	
1	Cầu Phú thuộc tuyến đường cụm công nghiệp La Hà, huyện Tư Nghĩa đi Nghĩa Hành	4.400	4.400	4.065	92,4	92,4	335	335	CDT bảo hết nhiệm vụ chi
2	Vốn Phân cấp theo Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND	23.285	23.285	23.249	99,8	99,8	36	36	CDT bảo hết nhiệm vụ chi
V	UBND huyện Mộ Đức	75.275	70.275	70.134	93,2	99,8	5.141	141	
1	Vốn ngân sách địa phương	75.275	70.275	70.134	93,2	99,8	5.141	141	
1	Nâng cấp, sửa chữa hồ chứa nước Lỗ Thìn, xã Đức Phú	10.000	5.000	5.000	50,0	100,0	5.000	0	KHV không có nguồn nhập Tabmis
2	Vốn XD/CB tập trung thực hiện Chương trình MTQG Xây dựng Nông thôn mới	17.637	17.637	17.603	99,8	99,8	34	34	Hết nhiệm vụ chi
3	Vốn Phân cấp theo Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND	21.428	21.428	21.321	99,5	99,5	107	107	Hết nhiệm vụ chi

TT	Nguồn vốn, dự án	Kế hoạch vốn năm 2021		Giải ngân đến 31/01/2022			Số vốn còn lại chưa giải ngân		Nguyên nhân giải ngân không đạt
		Tổng số	Trong đó: Đã nhập TABMIS	Số vốn	Tỷ lệ (%)		Theo tổng KHV đã được HĐND tỉnh giao	Theo số vốn đã nhập Tabmis	
					So với KH vốn	So với vốn đã nhập tabmis			
VI	UBND thị xã Đức Phổ	100.077	84.677	78,2	92,4	21.849	6.449		
	Vốn ngân sách địa phương	100.077	84.677	78,2	92,4	21.849	6.449		
1	Vốn XSKT thực hiện Chương trình MTQG Xây dựng Nông thôn mới	28.800	13.500	34,5	73,6	18.870	3.570	Số liệu giữa CĐT và KBNN tính chưa khớp. CĐT báo đã giải ngân 100%	
2	Vốn XDCB tập trung thực hiện Chương trình MTQG Xây dựng Nông thôn mới	14.324	14.324	86,2	86,2	1.979	1.979	Hết nhiệm vụ chi do các dự án đã hoàn thành, quyết toán	
3	Vốn Phân cấp theo Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND	26.500	26.500	96,6	96,6	900	900	Số liệu giữa CĐT và KBNN tính chưa khớp. CĐT báo đã giải ngân 100%	
VII	UBND huyện Nghĩa Hành	138.005	133.505	96,7	100,0	4.516	16		
	Vốn ngân sách địa phương	88.005	83.505	94,9	100,0	4.516	16		
1	Vốn Phân cấp theo Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND	17.338	17.338	99,9	99,9	16	16	Hết nhiệm vụ chi	
VIII	UBND huyện Minh Long	54.612	54.612	99,0	99,0	526	526		
	Vốn ngân sách địa phương	54.612	54.612	200	200	526	526		
1	Vốn XDCB tập trung thực hiện Chương trình MTQG Xây dựng Nông thôn mới	6.278	6.278	91,6	91,6	526	526	Hết nhiệm vụ chi	
IX	UBND huyện Ba Tư	101.093	93.593	92,3	99,7	7.755	255		
	Vốn ngân sách địa phương	101.093	93.593	92,3	99,7	7.755	255		
1	Vốn XDCB tập trung thực hiện Chương trình MTQG Xây dựng Nông thôn mới	5.838	5.838	95,3	95,3	274	274		
2	Vốn Phân cấp theo Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND	26.093	26.093	99,0	99,0	255	255		
X	UBND huyện Sơn Hà	65.040	56.573	82,8	95,2	11.200	2.733		
	Vốn ngân sách địa phương	65.040	56.573	82,8	95,2	11.200	2.733		
1	Đường Sơn Thượng - Sơn Tinh	20.000	11.533	57,7	100,0	8.467	0	KHV không có nguồn nhập Tabmis	

TT	Nguồn vốn, dự án	Kế hoạch vốn năm 2021		Giải ngân đến 31/01/2022			Số vốn còn lại chưa giải ngân		Nguyên nhân giải ngân không đạt
		Tổng số	Trong đó: Đã nhập TABMIS	Số vốn	Tỷ lệ (%)		Theo tổng KHV đã được HDND tính giao	Theo số vốn đã nhập Tabmris	
2	Kè từ cầu sông Rìn đến trường phổ thông DTNT THCS Sơn Hà	16.500	16.500	13.767	83,4	83,4	2.733	2.733	Dự án khởi công vào tháng 8/2021, trùng vào thời điểm mùa mưa, bão lũ lụt trên địa bàn huyện Sơn Hà ở những tháng cuối năm 2021 liên tục xảy ra và thực hiện gián cách xã hội, vướng về công tác đền bù giải phóng mặt bằng nên ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ thực hiện thi công công trình.
XI	UBND huyện Sơn Tây	68.078	58.528	58.527	86,0	100,0	9.551	1	
	Vốn ngân sách địa phương	68.078	58.528	58.527	86,0	100,0	9.551	1	
1	Đường đố thị 02 (Quảng trường - ĐĐT05)	15.000	10.000	9.999	67	100	5.001	1	
2	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư xã Sơn Bua, huyện Sơn Tây	18.000	13.450	13.450	74,7	100	4.550	0	
XII	UBND huyện Trà Bông	60.953	60.953	60.878	99,9	99,9	75	75	
	Vốn ngân sách địa phương	60.953	60.953	60.878	99,9	99,9	75	75	
1	Vốn Phân cấp theo Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND	23.137	23.137	23.062	99,7	99,7	75	75	
C	Nguồn thu tiền sử dụng đất giao huyện, thành phố Thu - Chi	741.400	591.536	429.407	57,9	72,6	311.993	162.129	